

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1-3
Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập	4-5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-30

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (sau đây viết được viết tắt là “Tổng Công ty”) đã được kiểm toán.

### **Khái quát chung về Tổng Công ty**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (MIE) là Tổng Công ty Nhà nước, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 0106000827 ngày 08/02/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/4/2008. Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 3168 /QĐ-BCT về việc chuyển Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Mã số doanh nghiệp 0100101379 Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 10 năm 2011, sửa đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 01 năm 2012 và sửa đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 07 năm 2013 và sửa đổi lần thứ 5 ngày 14 tháng 05 năm 2014.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty: 516.847.000.000 VND (*Năm trăm mười sáu tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **Các công ty con tại ngày 31/12/2014**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
1. Công ty TNHH NN Một thành viên Cơ khí Hà Nội	Số 74 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, - Kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư	100%
2. Công ty TNHH NN Một thành viên Cơ khí Quang Trung	Số 360 Đường Giải Phóng – Thanh xuân – Hà Nội	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%
3. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Số 133 Đường 5 cũ – Phường Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

4. Công ty TNHH NN Một thành viên XNK sản phẩm cơ khí	Số 37 Tràng Thi – Hà Nội	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí	100%
5. Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	16-18 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%
6. Công ty Cổ phần dụng cụ số 1	Số 108 – Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà nội	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%
7. Công ty cổ phần Cơ khí Cửu Long	Số 11 – Phó Cơ Điều – Phường 8 – Thị xã Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng	78,89%

**Hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí, lắp đặt máy móc thiết bị và kinh doanh thương mại.

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo này.

a.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.009.479.165
b.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.135.929.088
c.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.873.550.077
	Trong đó:	
c.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	49.388.320
c.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	13.824.161.757

**Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**

Các Thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc điều hành Tổng Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

**Hội đồng thành viên**

Ông Lê Xuân Hãn                      Chủ tịch                      Bổ nhiệm ngày 16/07/2010 theo Quyết định số 3788/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Công thương

**Ban Giám đốc**

Ông Vũ Việt Kha                      Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 16/07/2010 theo Quyết định số 3789/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Công thương

Ông Trần Quốc Toàn                      Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Hải                      Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thành Đông                      Phó Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Các sự kiện phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán

Ban Giám đốc cam kết không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Gia VIA bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên cho Tổng Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ hoạt động. Đối với việc lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Việt Kha

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2015



Số: /2015/BCKT-VIA-P3

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Gia VIA đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 05/04/2015 từ trang 06 đến trang 30 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 597H/2015/BCKT-VIA-P3 ngày 20 tháng 06 năm 2015 về Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/09/2014 và Báo cáo kiểm toán số 597I/2015/BCKT-VIA-P3 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp (là Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ) với ý kiến chấp nhận từng phần. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất này cũng bị ảnh hưởng bởi giới hạn của Báo cáo kiểm toán trên.

Tại ngày 28/11/2014, Công ty TNHH MTV Cơ khí Duyên Hải chính thức chuyển thành Công ty CP Cơ khí Duyên Hải theo Giấy đăng ký kinh với mã số doanh nghiệp là 0200596735. Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp chiếm 98,189%. Tuy nhiên, Công ty CP cơ khí Duyên Hải không lập riêng báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 28/11/2014 đến 31/12/2014. Do vậy, không có căn cứ để tính Lợi ích của cổ đông thiểu số dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Chúng tôi không thể đưa ra đánh giá đầy đủ về mức độ ảnh hưởng của ý kiến kiểm toán đến Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty trong các Báo cáo kiểm toán của các Công ty con. Đó là: Báo cáo kiểm toán số 51/2015/BCKT-TC ngày 20 tháng 03 năm 2015 cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/09/2014 và Báo cáo kiểm toán số 76/2015/BCKT-TC của Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu sản phẩm cơ khí do Công ty TNHH Kiểm toán ASCO phát hành; Báo cáo kiểm toán số 103/2015/KT-HVAC ngày 25/03/2015 của Công ty Cổ phần dụng cụ số 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do Công ty TNHH kiểm toán Hùng Vương phát hành; Báo cáo kiểm toán số 54/2015/SVCT-BCKT ngày 31/03/2015 của Công ty CP Cơ khí Cửu Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt phát hành; Báo cáo kiểm toán số 33/BCKT-BCTC ngày 28 tháng 03 năm 2015 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do Công ty TNHH Kiểm toán Asco phát hành; Báo cáo kiểm toán số /2015/BCKT/KT/CIMEICO ngày 22 tháng 07 năm 2015 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội; Báo cáo kiểm toán số 27B/2015/BCTC/TC ngày 25 tháng 03 năm 2015 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty TNHHNN một thành viên XNK thiết bị toàn bộ do Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC phát hành; Báo cáo kiểm toán số 84/2014/ASCO/BCKT ngày 05 tháng 12 năm 2014 cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 và Báo cáo kiểm toán số 69/2015/ASCO/BCKT cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do Công ty TNHH kiểm toán ASCO phát hành.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo kiểm toán này. Vì vậy, chúng tôi không thể đưa ra đánh giá đầy đủ về mức độ ảnh hưởng của số liệu chưa được kiểm toán trên Báo cáo tài chính của Công ty nêu trên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Tổng Công ty đang sử dụng giả thiết rằng, trong các giao dịch bán hàng nội bộ thì giá vốn hàng bán bằng với doanh thu để làm cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi không có ý kiến gì về ảnh hưởng của giả thiết này đến một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đính kèm Báo cáo kiểm toán này.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Tài Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2013-137-1/KTV

**Đỗ Thị Thu Hương**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1417-2013-137-1/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIA**  
Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.423.841.303.413</b>	<b>1.447.682.936.578</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>517.174.770.067</b>	<b>697.382.641.632</b>
1. Tiền	111		490.928.805.038	529.236.062.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.245.965.029	168.146.579.156
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.091.850.598</b>	<b>9.500.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	9.091.850.598	9.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>567.903.983.438</b>	<b>506.670.519.416</b>
1. Phải thu khách hàng	131		394.891.444.872	441.028.426.944
2. Trả trước cho người bán	132		149.756.401.991	110.047.624.237
3. Phải thu nội bộ	133		1.728.976.351	1.430.233.030
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XI	134			635.971.192
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	136.531.601.915	73.679.620.842
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(115.004.441.691)	(120.151.356.829)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>270.576.724.107</b>	<b>171.717.102.330</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	279.196.656.444	180.337.034.667
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.619.932.337)	(8.619.932.337)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>59.093.975.203</b>	<b>62.412.673.200</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.520.880.579	14.505.519.365
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.547.151.470	11.323.731.049
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	30.481.191.406	24.245.738.725
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			4.277.042.989
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		12.544.751.748	8.060.641.072
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>845.987.780.995</b>	<b>819.068.674.242</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>654.684.192.762</b>	<b>677.465.457.301</b>
<b>I. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.06</b>	<b>269.796.613.510</b>	<b>219.512.288.820</b>
- Nguyên giá	222		512.644.713.340	461.332.829.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(242.848.099.830)	(241.820.540.589)
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.07</b>	<b>2.255.819.355</b>	<b>2.255.819.355</b>
- Nguyên giá	228		2.805.113.006	2.805.113.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(549.293.651)	(549.293.651)
<b>2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>V.08</b>	<b>382.631.759.897</b>	<b>455.697.349.126</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>169.228.017.407</b>	<b>120.785.871.722</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.08	61.498.179.718	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.634.413.609	105.223.690.138
3. Đầu tư dài hạn khác	258		60.184.481.242	20.162.181.584
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.089.057.162)	(4.600.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.075.570.826</b>	<b>20.817.345.219</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	20.383.415.308	20.540.455.219
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.692.155.518	276.890.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>2.269.829.084.408</b>	<b>2.266.751.610.820</b>



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2014 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>952.990.795.768</b>	<b>1.643.709.634.548</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>825.355.303.138</b>	<b>1.524.378.388.068</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	214.083.690.011	283.077.781.475
2. Phải trả người bán	312		170.543.987.721	113.385.745.457
3. Người mua trả tiền trước	313		107.001.214.124	232.017.119.847
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	(51.687.988.714)	(70.726.885.588)
5. Phải trả người lao động	315		250.055.736.168	248.898.591.050
6. Chi phí phải trả	316	V.12	79.617.477.447	512.877.701.851
7. Phải trả nội bộ	317		668.303.125	1.712.038.008
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	49.020.444.134	179.280.168.422
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		6.052.439.122	23.856.127.546
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>127.635.492.630</b>	<b>119.331.246.480</b>
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			(2.329.960.465)
1. Phải trả dài hạn khác	333		119.618.715.198	118.719.356.608
2. Vay và nợ dài hạn	334		6.476.626.500	1.631.653.951
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.540.150.932	1.310.196.386
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.311.663.322.133</b>	<b>617.972.270.939</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>1.311.436.933.483</b>	<b>617.745.882.289</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.181.519.140.902	485.122.696.435
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		7.311.959.439	7.311.959.439
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			80.884.883
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		77.417.575.419	97.331.618.328
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.917.090.457	12.643.386.936
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.068.725.074	(10.163.447.973)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		22.368.345.522	22.368.345.522
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		3.834.096.670	3.050.438.719
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			<b>226.388.650</b>	<b>226.388.650</b>
1. Nguồn kinh phí	432		(33.902.810)	(33.902.810)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		260.291.460	260.291.460
<b>C. LỢI ÍCH CÒ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>5.174.966.508</b>	<b>5.069.705.333</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>2.269.829.084.408</b>	<b>2.266.751.610.820</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2015

Người lập



Đạm Huy Ngọc Linh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Vũ Việt Kha

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	837.165.797.893	826.598.144.805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.410.479.436	51.789.646
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		835.755.318.457	826.546.355.159
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	780.778.850.018	739.403.166.157
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>54.976.468.439</b>	<b>87.143.189.002</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	83.113.601.345	76.384.087.620
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	34.152.646.780	25.549.592.237
8. Chi phí bán hàng	24		3.674.550.011	3.342.934.824
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		82.277.247.355	125.900.508.293
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>17.985.625.638</b>	<b>8.734.241.268</b>
11. Thu nhập khác	31		25.235.561.809	8.848.117.202
12. Chi phí khác	32		28.211.708.282	6.812.347.068
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(2.976.146.473)</b>	<b>2.035.770.134</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>15.009.479.165</b>	<b>10.770.011.402</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.135.929.088	5.059.358.473
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>13.873.550.077</b>	<b>5.710.652.929</b>
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			49.388.320	301.926.862
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			13.824.161.757	5.408.726.067

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đâu Huy Ngọc Linh

Trần Thị Thu Trang

Vũ Việt Kha

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	969.463.225.384	1.092.740.308.687
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(756.835.460.528)	(807.854.547.398)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(78.159.457.538)	(67.091.355.880)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(12.461.387.364)	(10.573.284.368)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.447.192.635)	(119.129.961.161)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	76.768.491.572	298.387.023.355
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(159.154.856.873)	(281.316.712.541)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>38.173.362.018</b>	<b>105.161.470.694</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(12.005.113.271)	(8.377.296.050)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	5.581.017.284	(1.993.922.490)
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.791.850.598)	(23.994.456.760)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.200.000.000	10.992.656.760
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	993.540.641	
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.343.336.765	74.047.080.274
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>30.320.930.821</b>	<b>50.674.061.734</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	98.411.394.648	159.853.279.602
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(326.551.430.981)	(255.218.612.202)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(558.000.000)	(71.280.000)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(228.698.036.333)</b>	<b>(95.436.612.600)</b>
<b>Lưu chuyển thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(160.203.743.494)</b>	<b>60.398.919.828</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>677.851.805.861</b>	<b>637.456.423.806</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(473.292.300)	(472.702.002)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>517.174.770.067</b>	<b>697.382.641.632</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





**Đạm Huy Ngọc Linh**

**Trần Thị Thu Trang**

**Vũ Việt Kha**

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu**

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 0106000827 ngày 08/02/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/4/2008. Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 3168/QĐ-BCT về việc chuyển Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Mã số doanh nghiệp 0100101379 Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 10 năm 2011, sửa đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 01 năm 2012 và sửa đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 07 năm 2013 sửa đổi lần thứ 5 ngày 14 tháng 05 năm 2014.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí, lắp đặt máy móc thiết bị và kinh doanh thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Khai thác quặng sắt; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hoá chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoàn thiện các công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**4. Công ty con**

Số lượng các công ty con: 07 Công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 07 Công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
1. Công ty TNHH NN Một thành viên Cơ khí Hà Nội	Số 74 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, - Kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư	100%

0179  
CÔNG  
NHIỆM  
DÂN  
T  
T

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

2. Công ty TNHH Số 360 Đường Giải - Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực	100%
3. Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải Số 133 Đường 5 cũ – Phường Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình	98,189%
4. Công ty TNHH Một thành viên XNK sản phẩm cơ khí Số 37 Tràng Thi – Hà Nội Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí	100%
5. Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật 16-18 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%
6. Công ty Cổ phần dụng cụ số 1 Số 108 – Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà nội Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%
7. Công ty cổ phần Cơ khí Cửu Long Số 11 – Phó Cơ Điều – Phường 8 – Thị xã Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long Sản xuất các sản phẩm từ kim loại, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng	78,89%

**5. Các Công ty liên kết tại ngày 31/12/2014**

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần thương mại Sài Gòn-Hà Nội	Số 24, đường Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại, trung tâm vui chơi, giải trí, bia, rượu... - Kinh doanh máy móc, thiết bị chuyển giao công nghệ - Kinh doanh ủy thác xuất nhập khẩu - Đầu tư các dự án môi trường	20%

**II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

## TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ dựa trên máy tính

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

##### *Công ty con*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được. Việc kiểm soát và quản lý hàng hóa của giao dịch bán hàng trong nội bộ nhóm Công ty MIE còn gặp nhiều khó khăn. Do vậy, giá thiết doanh thu nội bộ bằng với giá bán nội bộ sẽ được áp dụng làm cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu tách biệt khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các khoản lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trừ khi khoản đầu tư dự kiến được thanh lý trong tương lai gần và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần sở hữu các khoản tăng, giảm của các quỹ dự trữ công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong quỹ dự trữ. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

*Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba (03) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

*Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán*

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính. Lợi nhuận chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại không được dùng để chia cổ tức.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

*Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho*

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí sản xuất dở dang chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ước tính cho các sản phẩm dở dang. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu quá hạn trên sáu (6) tháng hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hoặc khó khăn tương tự.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**

*Nguyên tắc ghi nhận*

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (tiếp theo)**

*Phương pháp khấu hao*

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

*Nguyên tắc ghi nhận*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

*Phương pháp khấu hao*

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như các tài sản cố định khác.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát*

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

*Các khoản đầu tư chứng khoán khác*

Các khoản đầu tư chứng khoán khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn*

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán, được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Trong trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách đáng tin cậy các khoản đầu tư sẽ không được lập dự phòng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì được ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi vốn hóa.

179  
ĐỒNG  
NHIỆM  
OÀN I  
KIỂM



## TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

##### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập; Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo); Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp; Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn; Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn; Các chi phí khác liên quan tới nhiều niên độ kế toán;

##### *Phương pháp phân bổ chi phí trả trước*

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

##### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

##### 12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí trong kỳ.

##### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn ngân sách nhà nước cấp cho Tổng Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và hướng dẫn của Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ban hành theo Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và. Theo đó, các khoản thu của Quỹ bao gồm:

- Nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp thuộc Tổng công ty theo quy định của pháp luật về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Khoản lãi tiền gửi của quỹ;
- Các khoản thu khác theo quy định.

Các khoản chi của quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp bao gồm

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu;
- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ, điều chuyển và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Các khoản chi khác theo quy định

## TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

##### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

###### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

###### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

###### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

Lợi nhuận, cổ tức được chia từ phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác: ghi nhận trên cơ sở quyết định chia cổ tức, lợi nhuận được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với cổ phiếu nhận được do công ty cổ phần chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) doanh nghiệp hạch toán tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tương ứng với số tiền cổ tức được chia phù hợp với Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Thu nhập do chuyển nhượng vốn, nhượng bán chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của khoản vốn góp và của chứng khoán.

##### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

##### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập chịu thuế theo thuế suất hiện hành là 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế của tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****15. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: VND)****01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền mặt	3.211.398.907	2.270.407.043
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	487.717.406.131	526.805.431.988
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	26.245.965.029	
Tiền đang chuyển		160.223.445
Các khoản tương đương tiền		168.146.579.156
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>517.174.770.067</u></b>	<b><u>697.382.641.632</u></b>

**02. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	8.791.850.598	9.500.000.000
Cho vay các đơn vị khác	300.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>9.091.850.598</u></b>	<b><u>9.500.000.000</u></b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Phải thu các công ty con	996.261.881	
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	280.166.000	
Phải thu về BHXH, BHYT	46.247.820	
Thuế VAT đầu vào	65.475.968	
Chi phí cổ phần hóa	826.893.434	
Thuế TNCN	136.571.799	
Tạm ứng của CBCNV	1.193.286.580	5.069.933.876
Ký quỹ, ký cược	3.294.102.008	1.625.815.449
Chi phí chờ giải ngân cổ phần hóa	894.700.654	
Thuế GTGT, TNDN bị truy thu chờ xử lý	924.653.753	
Phải thu khác	127.873.242.018	66.983.871.517
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>136.531.601.915</u></b>	<b><u>73.679.620.842</u></b>

**04. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu	23.999.825.171	31.964.453.498
Công cụ, dụng cụ	5.886.542.071	5.295.346.278
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	186.151.833.264	78.382.271.594
Thành phẩm	34.127.997.501	30.002.993.757
Hàng hóa	27.751.987.661	33.414.962.131
Hàng gửi đi bán	1.278.470.776	1.277.007.409
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>279.196.656.444</u></b>	<b><u>180.337.034.667</u></b>

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Thuế GTGT	12.398.390	23.738.411.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp		149.300.927
Thuế thu nhập cá nhân	13.588.835	309.999.200
Phải thu khác		48.027.150
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	30.455.204.181	
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>30.481.191.406</u></b>	<b><u>24.245.738.725</u></b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá*</b>					
Tại ngày 01/01/2014	186.271.740.719	232.184.092.666	38.203.134.951	4.673.861.073	461.332.829.409
Tăng trong kỳ	42.409.411.769	43.305.466.796	7.627.756.362		93.342.634.927
Giảm trong kỳ	20.561.492.548	17.894.753.299	1.636.853.511	1.937.651.638	42.030.750.996
Tại ngày 31/12/2014	208.119.659.940	257.594.806.163	44.194.037.802	2.736.209.435	512.644.713.340
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2014	65.161.108.220	154.634.553.107	17.991.601.597	4.033.277.665	241.820.540.589
Tăng trong kỳ	8.348.410.504	14.644.018.980	2.439.744.405	421.724.676	25.853.898.565
Giảm trong kỳ	8.614.961.922	12.813.934.481	1.533.494.139	1.863.948.782	24.826.339.324
Tại ngày 31/12/2014	64.894.556.801	156.464.637.607	18.897.851.863	2.591.053.559	242.848.099.830
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2014	121.110.632.499	77.549.539.559	20.211.533.354	640.583.408	219.512.288.820
Tại ngày 31/12/2014	143.225.103.139	101.130.168.556	25.296.185.939	145.155.876	269.796.613.510

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***07. Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2014	2.255.221.480	549.891.526	2.805.113.006
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	2.255.221.480	549.891.526	2.805.113.006
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2014	-	549.293.651	549.293.651
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	-	549.293.651	549.293.651
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2014	2.255.221.480	597.875	2.255.819.355
Tại ngày 31/12/2014	2.255.221.480	597.875	2.255.819.355

**08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí di dời	377.653.745.950	
Mua sắm tài sản cơ định	773.641.278	86.195.762.968
Chi phí sửa chữa tài sản		
Khác	4.204.372.669	369.501.586.158
<b>Tổng cộng</b>	<b>382.631.759.897</b>	<b>455.697.349.126</b>

**09. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
Công cụ dụng cụ	1.092.107.750	
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	64.953.333	
Chi phí di chuyển địa điểm	309.025.455	
Quyền sử dụng đất (đền bù giải phóng mặt bằng)	3.225.800.241	
Chi phí khác	15.645.035.091	20.540.455.219
Phí bảo lãnh dự thầu	46.493.438	
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.383.415.308</b>	<b>20.540.455.219</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Ngân hàng	199.833.659.369	279.077.781.475
Đối tượng khác	10.250.030.642	4.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Vay nội bộ</b>	<b>2.484.608.000</b>	<b>2.329.933.000</b>
Văn phòng	2.484.608.000	2.329.933.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>214.083.690.011</u></b>	<b><u>283.077.781.475</u></b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Thuế giá trị gia tăng	15.718.651.464	9.706.369.396
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.704.028.284	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.209.306.104	2.209.306.104
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(84.347.046.717)	(85.588.630.761)
Thuế thu nhập cá nhân	229.076.028	261.688.246
Thuế tài nguyên		
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.150.000	
Các loại thuế khác	15.831.700	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.779.014.423	
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>(51.687.988.714)</u></b>	<b><u>(70.726.885.588)</u></b>

**12. Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Lãi tiền vay	3.521.558.334	
Khoản văn phòng phẩm		
NHNN và PTNT CN Nam Hà Nội		
Phí bảo lãnh hợp đồng	690.993.703	518.889.375
Chi phí xây dựng các công trình	3.996.232.249	
Văn phòng		
Chi phí thuê nhà	5.745.497.808	3.061.116.667
Chi phí khác	65.663.195.353	509.297.695.809
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>79.617.477.447</u></b>	<b><u>512.877.701.851</u></b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	34.670.213	50.380.647
Kinh phí công đoàn	633.262.726	432.307.836
Bảo hiểm xã hội	3.720.147.193	2.974.065.373
Bảo hiểm y tế	105.323.450	154.888.058
Bảo hiểm thất nghiệp	71.535.106	19.824.644
Phải trả về tiền thuê đất tại KCN Quảng Nam		
Phải trả về cổ phần hóa	1.071.800.000	
Nhận ủy thác mua cổ phần tại Cty KS Hà Giang	12.905.000.000	
Nhận ủy thác mua cổ phần tại Cty CP Xi măng Đồng Bành	84.000.000	
Phải trả GUILIN GUIYE INDUSTRIAL CO.,LTD	229.366.458	
Phải trả, phải nộp khác	30.165.338.988	175.648.701.864
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.020.444.134</b>	<b>179.280.168.422</b>

1791  
NG T  
HIỆM H  
AN QU  
IA  
EM -



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****14. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại TS	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại</b>										
<b>01/01/2013</b>	<b>359.072.812.648</b>	-	<b>38.725.033</b>	<b>80.884.883</b>	<b>89.875.815.162</b>	<b>16.327.687.752</b>	<b>18.331.629.557</b>	<b>22.368.345.522</b>	<b>(11.780.800.375)</b>	<b>494.315.100.182</b>
Tăng trong năm	135.299.115.157	-	-	-	-	-	-	-	-	135.299.115.157
Lãi năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	2.806.770.918	2.806.770.918
Tăng khác	561.600.000	7.311.959.439	-	190.346.756	7.658.797.416	336.192.079	120.517.924.319	-	90.043.421.098	226.620.241.107
Giảm trong năm	6.223.048.352	-	-	-	-	15.960.000	-	-	4.565.163.391	10.804.171.743
Lỗ năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	285.588.651	285.588.651
Giảm khác	3.587.783.018	-	38.725.033	190.346.756	202.994.250	4.004.532.895	135.799.115.157	-	86.382.087.571	230.205.584.680
<b>Số dư tại</b>										
<b>31/12/2013</b>	<b>485.122.696.435</b>	<b>7.311.959.439</b>	-	<b>80.884.883</b>	<b>97.331.618.328</b>	<b>12.643.386.936</b>	<b>3.050.438.719</b>	<b>22.368.345.522</b>	<b>(10.163.447.973)</b>	<b>617.745.882.289</b>
Tăng trong năm	380.153.943.402	-	-	-	-	-	1.123.995.759	-	-	381.277.939.161
Lãi năm nay	-	-	-	-	3.366.136.203	-	-	-	24.365.562.202	27.731.698.405
Tăng khác	329.573.930.789	-	-	-	348.620.580	39.150.559	2.146.916.404	-	28.869.720.580	360.978.338.912
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	173.515.985	-	-	280.800.000	454.315.985
Lỗ năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	5.397.604.791	5.397.604.791
Giảm khác	13.331.429.724	-	-	80.884.883	23.628.799.692	1.591.931.053	2.487.254.212	-	29.324.704.942	70.445.004.508
<b>Số dư tại</b>										
<b>31/12/2014</b>	<b>1.181.519.140.902</b>	<b>7.311.959.439</b>	-	-	<b>77.417.575.419</b>	<b>10.917.090.457</b>	<b>3.834.096.670</b>	<b>22.368.345.522</b>	<b>8.068.725.076</b>	<b>1.311.436.933.483</b>



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Đơn vị tính: VND)****01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	373.729.713.240	779.583.438.930
Doanh thu bán thành phẩm	236.092.777.253	40.954.242.951
Doanh thu công trình xây lắp	212.875.887.041	
Doanh thu cho thuê văn phòng	11.390.923.050	
Doanh thu bất động sản	2.585.784.694	
Doanh thu dịch vụ khác	490.712.615	6.060.462.924
<b>Tổng cộng</b>	<b>837.165.797.893</b>	<b>826.598.144.805</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán	500.586.948.456	696.274.020.902
Giá vốn của công trình xây lắp	279.725.801.714	39.062.584.005
Giá vốn của thành phẩm		2.403.488.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	466.099.848	1.663.072.423
<b>Tổng cộng</b>	<b>780.778.850.018</b>	<b>739.403.166.157</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi ngân hàng	40.554.109.438	73.519.007.990
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu		904.751.747
Lãi tiền cho vay	1.052.591.000	
Lãi chuyển nhượng vốn	19.118.999.202	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.702.392.307	193.800.000
Lãi CLTG đã thực hiện	27.293.422	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	62.341.889	22.536.576
Doanh thu hoạt động tài chính khác	595.874.087	1.743.991.307
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.113.601.345</b>	<b>76.384.087.620</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền vay	13.238.440.440	6.288.528.366
Lỗ chuyển nhượng vốn	16.061.646.994	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	710.651.683	899.505.552
Lỗ CLTG do đánh giá lại	827.147.757	
Chi phí tài chính khác	3.314.759.906	18.361.558.319
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.152.646.780</b>	<b>25.549.592.237</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Công cụ tài chính**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính kỳ này ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác vẫn được trình bày theo giá gốc.

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.174.770.067		697.382.641.632	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.091.850.598		9.500.000.000	
Ký quỹ mở LC	-		1.625.815.449	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	531.423.046.787	(115.004.441.691)	513.082.232.337	(120.151.356.829)
Đầu tư dài hạn	176.317.074.569	(7.089.057.162)	125.385.871.722	(4.600.000.000)
	<b>1.234.006.742.021</b>	<b>(122.093.498.853)</b>	<b>1.346.976.561.140</b>	<b>(124.751.356.829)</b>

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	220.560.316.511	284.709.435.426
Phải trả người bán và phải trả khác	339.183.147.053	411.385.270.487
Chi phí phải trả	79.617.477.447	512.877.701.851
	<b>639.360.941.011</b>	<b>1.208.972.407.764</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải gánh chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cổ phiếu và giá sản phẩm/giá nguyên phụ liệu.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản phải thu, các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua bán ngoại tệ hợp lý, phù hợp với kế hoạch sản xuất để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty liên quan chủ yếu tới các khoản vay có lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình để đưa ra quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được lãi suất có lợi cũng như duy trì cơ cấu vay phù hợp.

***Quản lý rủi ro giá cổ phiếu***

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của từ các khoản đầu tư mua cổ phần được trình bày tại khoản mục “Đầu tư dài hạn khác”. Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư này và các khoản đầu tư này được nắm giữ cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

***Quản lý rủi ro giá bán sản phẩm/giá mua nguyên phụ liệu***

Hoạt động sản xuất kinh doanh có rủi ro về sự biến động của giá bán sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu, Tổng Công ty quản lý loại rủi ro này bằng cách theo dõi chặt chẽ thông tin có liên quan của thị trường đầu ra và thị trường đầu ra nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức tồn kho một cách hợp lý.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận có thể thu từ khách hàng được cấp tín dụng. Tổng Công ty thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng quá mức hay không.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty không đảm bảo được nguồn vốn cần thiết khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp. Thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.174.770.067			517.174.770.067
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.091.850.598			9.091.850.598
Phải thu khách hàng và phải thu khác	416.418.605.096			416.418.605.096
Đầu tư dài hạn			169.228.017.407	169.228.017.407
<b>Cộng tài sản tài chính</b>	<b>942.685.225.761</b>	<b>-</b>	<b>169.228.017.407</b>	<b>1.111.913.243.168</b>
Vay và nợ	214.083.690.011	6.476.626.500		220.560.316.511
Phải trả người bán và phải trả khác	219.564.431.855	119.618.715.198		339.183.147.053
Chi phí phải trả	79.617.477.447			79.617.477.447
<b>Cộng nợ phải trả tài chính</b>	<b>513.265.599.313</b>	<b>126.095.341.698</b>	<b>-</b>	<b>639.360.941.011</b>
<b>Tài sản tài chính thuần</b>	<b>429.419.626.448</b>	<b>- 126.095.341.698</b>	<b>169.228.017.407</b>	<b>472.552.302.157</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức độ thấp và tin tưởng chắc chắn rằng Tổng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**02. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Việt Nam (VIA) và điều chỉnh một số khoản mục. Cụ thể:



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***02. Thông tin so sánh (tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán**

TÀI SẢN	Mã số	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh
		(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>1.447.682.936.578</b>	<b>1.443.090.075.254</b>	<b>4.592.861.324</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>697.382.641.632</b>	<b>697.357.691.855</b>	<b>24.949.777</b>
1. Tiền	111	529.236.062.476	529.211.112.699	24.949.777
2. Các khoản tương đương tiền	112	168.146.579.156	168.146.579.156	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>12.591.277.707</b>	<b>(3.091.277.707)</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	9.500.000.000	12.591.277.707	(3.091.277.707)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>506.670.519.416</b>	<b>524.010.467.510</b>	<b>(17.339.948.094)</b>
1. Phải thu khách hàng	131	441.028.426.944	440.939.657.736	88.769.208
2. Trả trước cho người bán	132	110.047.624.237	108.361.001.257	1.686.622.980
3. Phải thu nội bộ	133	1.430.233.030	1.430.233.030	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XI	134	635.971.192		635.971.192
5. Các khoản phải thu khác	135	73.679.620.842	96.930.932.316	(23.251.311.474)
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(120.151.356.829)	(123.651.356.829)	3.500.000.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>171.717.102.330</b>	<b>150.389.427.330</b>	<b>21.327.675.000</b>
1. Hàng tồn kho	141	180.337.034.667	180.337.484.667	(450.000)
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(8.619.932.337)	(29.948.057.337)	21.328.125.000
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>62.412.673.200</b>	<b>58.741.210.852</b>	<b>3.671.462.348</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.505.519.365	14.928.598.475	(423.079.110)
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11.323.731.049	10.748.612.941	575.118.108
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	24.245.738.725	24.311.520.693	(65.781.968)
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157	4.277.042.989		4.277.042.989
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	8.060.641.072	8.752.478.743	(691.837.671)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>819.068.674.242</b>	<b>818.814.230.066</b>	<b>254.444.176</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>677.465.457.301</b>	<b>681.122.283.334</b>	<b>(3.656.826.033)</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>219.512.288.820</b>	<b>219.699.483.482</b>	<b>(187.194.662)</b>
- Nguyên giá	222	461.332.829.409	461.636.391.969	(303.562.560)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(241.820.540.589)	(241.936.908.487)	116.367.898
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>2.255.819.355</b>	<b>5.725.450.726</b>	<b>(3.469.631.371)</b>
- Nguyên giá	228	2.805.113.006	6.334.864.031	(3.529.751.025)
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(549.293.651)	(609.413.305)	60.119.654
<b>2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>455.697.349.126</b>	<b>455.697.349.126</b>	
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>120.785.871.722</b>	<b>120.785.871.722</b>	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	105.223.690.138	105.223.690.138	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	20.162.181.584	20.162.181.584	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(4.600.000.000)	(4.600.000.000)	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>20.817.345.219</b>	<b>16.906.075.010</b>	<b>3.911.270.209</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	20.540.455.219	16.777.575.010	3.762.880.209
2. Tài sản dài hạn khác	268	276.890.000	128.500.000	148.390.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.266.751.610.820</b>	<b>2.261.904.305.320</b>	<b>4.847.305.500</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***02. Thông tin so sánh (tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán**

NGUỒN VỐN	Mã số	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh
		(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.643.709.634.548</b>	<b>1.492.950.567.194</b>	<b>150.759.067.354</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>1.524.378.388.068</b>	<b>1.371.289.360.249</b>	<b>153.089.027.819</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	283.077.781.475	282.277.781.475	800.000.000
2. Phải trả người bán	312	113.385.745.457	112.062.333.946	1.323.411.511
3. Người mua trả tiền trước	313	232.017.119.847	232.164.630.639	(147.510.792)
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(70.726.885.588)	(26.285.853.386)	(44.441.032.202)
5. Phải trả người lao động	315	248.898.591.050	248.317.357.663	581.233.387
6. Chi phí phải trả	316	512.877.701.851	325.324.078.733	187.553.623.118
7. Phải trả nội bộ	317	1.712.038.008	1.852.863.127	(140.825.119)
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	179.280.168.422	190.078.227.121	(10.798.058.699)
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	23.856.127.546	5.497.940.931	18.358.186.615
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>119.331.246.480</b>	<b>121.661.206.945</b>	<b>(2.329.960.465)</b>
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	(2.329.960.465)		(2.329.960.465)
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>617.972.270.939</b>	<b>763.884.032.793</b>	<b>(145.911.761.854)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>617.745.882.289</b>	<b>763.657.644.143</b>	<b>(145.911.761.854)</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	485.122.696.435	485.122.696.435	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	7.311.959.439	7.311.959.439	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	80.884.883	80.884.883	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	97.331.618.328	238.922.858.980	(141.591.240.652)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	12.643.386.936	15.718.151.325	(3.074.764.389)
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(10.163.447.973)	(8.917.691.160)	(1.245.756.813)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	22.368.345.522	22.368.345.522	
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	3.050.438.719	3.050.438.719	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>226.388.650</b>	<b>226.388.650</b>	
1. Nguồn kinh phí	432	(33.902.810)	(33.902.810)	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	260.291.460	260.291.460	
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>5.069.705.333</b>	<b>5.069.705.333</b>	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.266.751.610.820</b>	<b>2.261.904.305.320</b>	<b>4.847.305.500</b>

912  
 G TY  
 ỆM HỮU  
 N QUỐC  
 IA  
 M - T

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**02. Thông tin so sánh (tiếp theo)****Báo cáo kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu	Mã số	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	826.598.144.805	826.598.144.805	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	51.789.646	51.789.646	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	826.546.355.159	826.546.355.159	-
4. Giá vốn hàng bán	11	739.403.166.157	759.787.199.221	(20.384.033.064)
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>87.143.189.002</b>	<b>66.759.155.938</b>	<b>20.384.033.064</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	76.384.087.620	97.712.285.313	(21.328.197.693)
7. Chi phí tài chính	22	25.549.592.237	25.419.659.236	129.933.001
8. Chi phí bán hàng	24	3.342.934.824	3.839.952.510	(497.017.686)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	125.900.508.293	129.271.245.322	(3.370.737.029)
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>8.734.241.268</b>	<b>5.940.584.183</b>	<b>2.793.657.085</b>
11. Thu nhập khác	31	8.848.117.202	8.689.566.765	158.550.437
12. Chi phí khác	32	6.812.347.068	6.655.489.247	156.857.821
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>2.035.770.134</b>	<b>2.034.077.518</b>	<b>1.692.616</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>10.770.011.402</b>	<b>7.974.661.701</b>	<b>2.795.349.701</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.059.358.473	5.054.885.178	4.473.295
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>5.710.652.929</b>	<b>2.919.776.523</b>	<b>2.790.876.406</b>
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		301.926.862	301.926.862	
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		5.408.726.067	2.617.849.661	2.790.876.406

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2015

Người lập


**Đâu Huy Ngọc Linh**

Kế toán trưởng


**Trần Thị Thu Trang**

Tổng Giám đốc

**Vũ Việt Kha**